



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 32

Ngày 15 tháng 5 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

- | | | |
|-------------|--|----|
| 31-3-2011 - | Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 10. | 2 |
| 31-3-2011 - | Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 10. | 11 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 25-4-2011 - | Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND về ban hành Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2010. | 21 |
| 25-4-2011 - | Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND về ban hành Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015. | 38 |

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2011/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 31 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Thanh tra quận 10**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCP-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về thành lập Thanh tra quận 10;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra quận tại Công văn số 045/TTQ ngày 11 tháng 3 năm 2010;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 10 tại Tờ trình số 164/TTr- PNV ngày 30 tháng 3 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 10.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Chánh Thanh tra quận 10, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thuộc Quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 10

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 10)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Thanh tra quận 10 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10.

Thanh tra quận 10 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được cấp kinh phí hoạt động, là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước quận 10; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố.

2. Chức năng

Thanh tra quận 10 tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác: thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra quận 10 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành quyết định, chỉ thị về công tác

thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức phường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 10 hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các Ban Thanh tra nhân dân 15 phường.

7. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân 15 phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân 15 phường, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận 10 và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

8. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân 15 phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận 10 trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khi được giao;

d) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

9. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân 15 phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng;

c) Quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận.

12. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận 10 và Thanh tra thành phố.

13. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận 10.

14. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận 10.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Thanh tra quận 10 có Chánh Thanh tra và không quá 03 Phó Chánh Thanh tra.

a) Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra quận 10 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

b) Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra quận phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận 10.

c) Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra quận thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về thanh tra trên địa bàn quận có: thanh tra viên, chuyên viên nghiệp vụ, cán sự, nhân viên

trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Thanh tra quận có thể sử dụng nhân viên hợp đồng và cộng tác viên để phục vụ công tác thanh tra.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực công chức, Thanh tra quận 10 tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Thanh tra.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Thanh tra quận 10 có thể bố trí công chức phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất đặc thù, phức tạp của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tình hình cán bộ cụ thể, Ủy ban nhân dân quận 10 bố trí biên chế cho Thanh tra quận cho phù hợp, đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế hành chính của Thanh tra quận 10 do Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận 10 hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Thanh tra quận 10 phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc

chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra thành phố:

Thanh tra quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 10:

Thanh tra quận 10 chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ, Thanh tra quận 10 phải báo cáo với Ủy ban nhân dân về nội dung công tác của Thanh tra quận và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 10:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận 10. Trong trường hợp Thanh tra quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra quận tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 10:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 10 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 10 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quận quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Chánh Thanh tra quận 10 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Thanh tra phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 9. Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận 10 có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, hoặc cần bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp, Chánh Thanh tra quận đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ quận 10./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2011/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 31 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Tư pháp quận 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 71/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về việc thành lập Phòng Tư pháp quận 10;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Công văn số 110/TP ngày 12 tháng 10 năm 2009;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 10 tại Tờ trình số 164/TTr-PNV ngày 30 tháng 3 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5979/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 10.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thuộc Quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 10
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 10)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Phòng Tư pháp quận 10 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10.

Phòng Tư pháp quận 10 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 10; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

2. Chức năng

Phòng Tư pháp quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: công tác xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tư pháp quận 10 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 10 các văn bản hướng dẫn về công tác tư pháp và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm, hàng năm về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc phạm vi quản lý của Phòng.

5. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Phối hợp xây dựng quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân quận do các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 10 chủ trì xây dựng;

b) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 10 và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

6. Về thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

a) Theo dõi chung tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân 15 phường;

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn với Ủy ban nhân dân quận 10 và Sở Tư pháp.

7. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành; hướng dẫn công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường ban hành;

b) Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

8. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với Ủy ban nhân dân 15 phường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10.

9. Về phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật sau khi được Ủy ban nhân dân quận 10 phê duyệt;

b) Làm Thường trực Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở quận 10;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật ở phường và các cơ quan, đơn vị khác theo quy định của pháp luật.

10. Thẩm định, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường ra quyết định công nhận nội dung Quy ước Tổ dân phố trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật

11. Về chứng thực:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

b) Thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài;

c) Thực hiện chứng thực một số việc khác theo quy định của pháp luật.

12. Về quản lý và đăng ký hộ tịch:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý các sổ sách, biểu mẫu về hộ tịch; lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch theo quy định pháp luật;

d) Đề nghị Ủy ban nhân dân quận 10 quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân phường cấp trái với quy định của pháp luật (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình).

13. Hòa giải ở cơ sở và trợ giúp pháp lý:

Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 10 và hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên;

Thực hiện nhiệm vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

14. Giúp Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận trong công tác thi hành án dân sự trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

15. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư pháp ở phường.

16. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về hoạt động tư pháp trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động tư pháp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

17. Quản lý biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

18. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận 10 và Sở Tư pháp.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức khác.

a) Trưởng Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10; đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật.

d) Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về tư pháp trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp quận và đặc điểm tình hình cụ thể của đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tư pháp quận 10 được tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ chức danh, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại quận 10, Ủy ban nhân dân quận phân bổ biên chế cho Phòng Tư pháp quận 10 cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận 10 hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu cán bộ, công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, công chức đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tư pháp:

Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ

của Sở Tư pháp, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 10:

Phòng Tư pháp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 10 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 10:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận 10. Trong trường hợp Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tư pháp tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 10:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Tư pháp, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ 15 phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tư pháp quận 10 có trách nhiệm cụ

thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận 10 có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ quận./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 25 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ
giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông

thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 và các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ X (nhiệm kỳ 2010 - 2015) và Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 08 tháng 4 năm 2011 (Hội nghị lần thứ 4) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X (nhiệm kỳ 2010 - 2015);

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Chương trình này để xây dựng các đề án, kế hoạch cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện và thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Về xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái; gắn phát triển nông nghiệp với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo nền tảng chính trị, kinh tế, xã hội vững chắc, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa huyện và thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

Phấn đấu đến năm 2017, cả 06 xã của huyện phải đạt chuẩn quốc gia về xã nông thôn mới; trong đó:

- Đến chậm nhất cuối năm 2011, phấn đấu hoàn thành tiêu chí về quy hoạch của 06/6 xã.

- Đến năm 2012, có 01 xã (Lý Nhơn) đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); 02 xã Bình Khánh và Tam Thôn Hiệp đạt ít nhất từ 8 - 10 tiêu chí xã nông thôn mới.

- Đến năm 2015, phấn đấu 02 xã Bình Khánh và Tam Thôn Hiệp đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (hoàn thành 19/19 tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); 03 xã còn lại Long Hòa, An Thới Đông và Thạnh An đạt ít nhất 12 - 15 tiêu chí xã nông thôn mới.

- Đến năm 2017, 03 xã Long Hòa, An Thới Đông và Thạnh An đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (hoàn thành 19/19 tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

II. NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

Chương trình về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng; do đó phải thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ sau đây:

1. Về quy hoạch nông thôn mới:

1.1. Mục tiêu: hoàn thành đạt yêu cầu tiêu chí số 1 của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Chậm nhất đến cuối năm 2011, phấn đấu cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng nông thôn 06/6 xã của huyện làm cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn mới, và làm cơ sở để thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và sau năm 2015.

1.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: Lập quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn các xã.

- Nhiệm vụ 2: Lập quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

1.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế hướng dẫn Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã thực hiện nhiệm vụ 1.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 2.

- Các phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn các xã rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh các nội dung các loại quy hoạch trên.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức lập quy hoạch, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu các tiêu chí 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

2.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ

thống giao thông trên địa bàn nội xã. Đến năm 2015, có 80% đường giao thông được bê tông hóa, láng nhựa hoặc bê tông nhựa nóng; Đến năm 2017, phần đầu 100% hệ thống giao thông đạt chuẩn. Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng đáp ứng nhu cầu vận chuyển vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp.

- Nhiệm vụ 2: cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã đạt chuẩn. Phần đầu đến năm 2015, hệ thống thủy lợi đáp ứng cơ bản yêu cầu sản xuất của vùng nuôi thủy sản 04 xã phía Bắc Cần Giờ.

- Nhiệm vụ 3: hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã theo yêu cầu an toàn của ngành điện. Đến năm 2015, 100% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn.

- Nhiệm vụ 4: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Phần đầu đến năm 2015, 70% số trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và đến năm 2017 nâng lên 100% trường đạt tiêu chí quốc về cơ sở vật chất.

- Nhiệm vụ 5: hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã. Đến năm 2015, có 03 xã có Nhà văn hóa xã, áp đạt chuẩn; đến năm 2017 có 06/6 xã (100%) đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ 6: hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã, phần đầu duy trì cơ sở vật chất 06/6 xã đạt chuẩn về y tế.

- Nhiệm vụ 7: hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ. Phần đầu đến năm 2015, 06/6 xã đạt chuẩn về cơ sở vật chất trụ sở xã.

- Nhiệm vụ 8: cải tạo xây mới chợ trên địa bàn xã theo quy hoạch; Phần đầu đến năm 2015, 100% chợ nông thôn trên địa bàn xã đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ 9: tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin kèm theo chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia; Phần đầu đến năm 2015, 100% hộ gia đình nông thôn có điện thoại (cố định hoặc di động); 100% các xã và trên 80% số ấp được kết nối và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính vào năm 2017.

- Nhiệm vụ 10: kiên cố hóa nhà ở phù hợp với địa bàn nông thôn; Phần đầu đến năm 2015, cơ bản không còn nhà ở tạm trên địa bàn các xã, nhà kiên cố đạt 85%; Đến năm 2017, nâng tỷ lệ nhà kiên cố đạt ít nhất 90% trên địa bàn các xã.

2.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Quản lý đô thị hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 1, 3, 7, 9, 10.

- Phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 2, 8.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 4.
- Phòng Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 5.
- Phòng Y tế hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 6.
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch lộ trình thực hiện.

3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo:

3.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu các tiêu chí 10, 11, 12; Phấn đấu đến năm 2015, có ít nhất 03 xã đạt các tiêu chí trên và đến năm 2017, có 06/6 xã đều đạt tiêu chí.

3.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao.

- Nhiệm vụ 2: tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư - diêm nghiệp.

- Nhiệm vụ 3: cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất thủy sản, nông nghiệp, diêm nghiệp.

- Nhiệm vụ 4: bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “Mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của từng địa phương.

- Nhiệm vụ 5: đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

- Nhiệm vụ 6: triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện đạt kết quả lộ trình giảm hộ nghèo của huyện giai đoạn 2010 - 2015 và sau năm 2015; Phấn đấu đến năm 2017, cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập hiện nay.

- Nhiệm vụ 7: thực hiện lồng ghép các chương trình an sinh xã hội, chăm lo đời sống nông dân, đặc biệt là đối tượng có thu nhập thấp.

3.3. Phân công quản lý và thực hiện:

- Phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 4.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 5.
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 6, 7.
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch và lộ trình tổ chức thực hiện.

4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

4.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phân đầu đến năm 2015, có 03/3 xã đạt tiêu chí và đến năm 2017, có 06/6 xã đạt tiêu chí này.

4.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã tại địa bàn sản xuất các xã.

- Nhiệm vụ 2: khuyến khích tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

- Nhiệm vụ 3: xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn (cung ứng vật tư nông nghiệp, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

4.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp các ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án thực hiện nhiệm vụ 1, lấy ý kiến tham gia cộng đồng dân cư trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tổ chức thực hiện.

5. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:

5.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phân đầu đến năm 2015, có 03 xã đạt chuẩn và đến năm 2017, có 06/6 xã đạt chuẩn theo quy định.

5.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: triển khai đạt kết quả chương trình phát triển giáo dục - đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020.

- Nhiệm vụ 2: triển khai thực hiện đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 - 2015.

5.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn thực hiện chương trình và đề án.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng các chỉ tiêu nhiệm vụ và tổ chức thực hiện.

6. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe dân cư nông thôn:

6.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu duy trì 06/6 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

6.2. Nhiệm vụ: tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực y tế đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

6.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Y tế chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng và Bệnh viện Cần Giờ hướng dẫn thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

7. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

7.1. Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2015, có 06/6 xã (100%) có Nhà văn hóa xã, ấp và đều có bưu điện, điểm Internet đạt chuẩn.

7.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: tiếp tục triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới.

- Nhiệm vụ 2: thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới.

7.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, lấy ý kiến tham gia cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

8. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

8.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới; đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở, các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã. Phần đầu đến năm 2015, có 03 xã đạt chuẩn, đến năm 2017, có 06/6 xã đạt chuẩn.

8.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Nhiệm vụ 2: xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, áp theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư, hệ thống cung cấp nước sạch; xây dựng các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn ở các xã; chỉnh trang nâng cấp nghĩa trang; cải tạo xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

- Nhiệm vụ 3: quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ... đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

8.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 1.

- Phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 2.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 3.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, lấy ý kiến tham gia cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

9. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị xã hội:

9.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2015, có ít nhất 04/6 xã đạt chuẩn, đến năm 2017, có 06/6 xã đạt chuẩn.

9.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Nhiệm vụ 2: tạo điều kiện cho cán bộ trẻ được đào tạo chính quy, đã tiêu chuẩn về công tác ở xã, đặc biệt ở các xã khó khăn, xã có cán bộ thiếu hoặc khó đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ 3: nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, công tác vận động quần chúng, đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

9.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Nội vụ chủ trì hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nhiệm vụ 1, 3 và tổ chức thực hiện.

10. Giữ vững an ninh trật tự xã hội nông thôn:

10.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu năm 2015 có 06/6 xã (100%) đạt chuẩn.

10.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: ban hành nội quy, quy ước ấp, khu dân cư về trật tự, an ninh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

- Nhiệm vụ 2: thực hiện chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu của xã nông thôn mới.

10.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Công an huyện chủ trì hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng nông thôn mới:

- Tổ chức phát động, tuyên truyền phổ biến, vận động từ huyện đến cơ sở để mọi tầng lớp nhân dân hiểu và cả hệ thống chính trị tham gia.

- Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong toàn huyện, toàn xã. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành một nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Cơ chế huy động vốn:

Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình, trong đó:

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn.

- Huy động tối đa các nguồn lực của địa phương (thành phố, huyện, xã) để tổ chức thực hiện chương trình.

- Huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

- Huy động các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng (bao gồm tín dụng thương mại, tín dụng hội đoàn).

- Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Thực hiện đúng các nguyên tắc về cơ chế hỗ trợ vốn đầu tư, cơ chế đầu tư, theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Cụ thể như sau:

- Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách cho: công tác quy hoạch, đường giao thông đến Trung tâm xã, xây dựng Trụ sở xã, xây dựng Trường học đạt chuẩn, xây dựng Trạm Y tế xã, xây dựng Nhà văn hóa xã, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, kinh phí cho công tác đào tạo, kiến thức xây dựng nông thôn mới, cán bộ Hợp tác xã.

+ Hỗ trợ một phần kinh phí từ Ngân sách cho: các công trình thoát nước thải khu dân cư, giao thông tổ, ấp, nội đồng; kênh mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; tụ điểm văn hóa ấp; công trình thể thao ấp; hạ tầng các khu tập trung, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

+ Mức hỗ trợ từ ngân sách: căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của từng xã để bố trí phù hợp với Chương trình hành động số 43-Ctr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã có điều kiện khó khăn về khả năng huy động vốn.

- Về cơ chế đầu tư:

+ Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

+ Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, ấp, tổ có thời gian thực hiện dưới 02 năm hoặc giá trị công trình đến 3 tỷ đồng, chỉ cần lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, trong đó chỉ nêu rõ tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán. Đối với công trình có giá trị trên 3 tỷ đồng hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, thì việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải có đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành. Trong

quá trình chuẩn bị đầu tư cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

+ Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao.

+ Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách.

+ Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 03 hình thức:

Một là: giao các cộng đồng dân cư ấp, tổ (những người hưởng lợi trực tiếp từ công trình) tự thực hiện xây dựng.

Hai là: lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng.

Ba là: lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu theo quy định hiện hành.

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng. Ban Giám sát cộng đồng gồm đại diện của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình do dân bầu giám sát các công trình hạ tầng xã theo quy định hiện hành và giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Đào tạo cán bộ chuyên trách để triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình nông thôn mới cấp huyện và thành lập các Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các xã để chỉ đạo tổ chức thực hiện xuyên suốt.

5. Chủ động đề xuất các chính sách, cơ chế thực hiện tạo điều kiện, thúc đẩy nhanh lộ trình thực hiện các tiêu chí khó khăn đặc thù do mức xuất phát điểm thấp đối với các xã của huyện.

IV. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Trách nhiệm của các phòng, ban cấp huyện:

- Các phòng, ban cấp huyện được phân công thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình tại Mục II chịu trách nhiệm về xây dựng kế hoạch, chính sách, giải pháp để

hướng dẫn các xã xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; đồng thời đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo, thực hiện ở cơ sở.

- Phòng Kinh tế huyện là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2010 - 2015.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện, Ủy ban nhân dân huyện cân đối nguồn lực đầu tư thực hiện chương trình.

- Thành lập Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, thành phần gồm cán bộ kiêm nhiệm có trình độ, năng lực, am hiểu về xây dựng nông thôn mới của các đơn vị Phòng Kinh tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý Đô thị, văn phòng làm việc đặt tại Phòng Kinh tế.

2. Trách nhiệm của các xã:

- Thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã.

- Tổ chức triển khai xây dựng đề án nông thôn mới trình phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Đề xuất phương án huy động vốn từ các thành phần kinh tế, nhân dân tham gia thực hiện chương trình.

- Phân công, điều hành hoạt động của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các địa phương này.

3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đầu tư huyện, xã vào thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt mục tiêu của chương trình.

4. Thực hiện chế độ giao ban, sơ kết, kiểm tra đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện chương trình theo định kỳ tháng, quý, 06 tháng, năm theo từng nội dung.

Trên đây là chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 - 2015 và sau năm 2015, Thủ trưởng các ngành, các cấp triển khai thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN CÀN GIỜ ĐẾN NĂM 2017**

TT	Hạng mục	Nội dung	Chỉ tiêu chung		Chỉ tiêu năm 2011	Chỉ tiêu năm 2012	Chỉ tiêu năm 2015	Chỉ tiêu năm 2017
			Cả nước	Đông Nam Bộ				
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT: (%)		100		Đạt 1 xã	80 %	100 %
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT: (%)	70	100		Đạt 1 xã	80 %	100 %
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: (%)	100	100		Đạt 1 xã	80 %	100 %
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: (%)	65	100		Đạt 1 xã	80 %	100 %
		2.5. Các nội dung khác liên quan				Đạt 1 xã		

TT	Hạng mục	Nội dung	Chỉ tiêu chung		Chỉ tiêu năm 2011	Chỉ tiêu năm 2012	Chỉ tiêu năm 2015	Chỉ tiêu năm 2017
			Cả nước	Đông Nam Bộ				
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt	
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa: (%)	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt	
		3.3. Các nội dung khác liên quan				Đạt 1 xã		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (%)	98	99		Đạt 1 xã	100 %	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (%)	80	100		Đạt 1 xã	70 %	100 %
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH - TT - DL	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
		6.2. Tỷ lệ % thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	100 %	
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Có	Có		100 %	100 %	
		8.2. Có Internet đến thôn	Có	Có		100 %		100 % xã > 80% ấp
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát (%)	Không	Không		Đạt 1 xã	100 %	

TT	Hạng mục	Nội dung	Chỉ tiêu chung		Chỉ tiêu năm 2011	Chỉ tiêu năm 2012	Chỉ tiêu năm 2015	Chỉ tiêu năm 2017
			Cả nước	Đông Nam Bộ				
		9.2. Nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	85 %	> 90 %
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của 5 huyện ngoại thành (lần)	1.4	1.5		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	< 6	< 3		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	+Đạt - 6 xã +Không còn hộ nghèo
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	< 30%	20 %		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	Có		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ % học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	85 %	90 %	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	> 35 %	> 40 %		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế (%)	30 %	40 %	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, ấp trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt	

TT	Hạng mục	Nội dung	Chỉ tiêu chung		Chỉ tiêu năm 2011	Chỉ tiêu năm 2012	Chỉ tiêu năm 2015	Chỉ tiêu năm 2017
			Cả nước	Đông Nam Bộ				
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%)	85	90	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2 Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt		Đạt - 2 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt		Đạt 1 xã	Đạt - 3 xã	Đạt - 6 xã
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt		Đạt 3 xã	Đạt - 6 xã	
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt		Đạt 3 xã	Đạt - 6 xã	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt		Đạt 3 xã	Đạt - 6 xã	
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt		Đạt 3 xã	Đạt - 6 xã	
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt		Đạt 3 xã	Đạt - 4 xã	Đạt - 6 xã

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 25 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ X (nhiệm kỳ 2010 - 2015) và Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 08 tháng 4 năm 2011 (Hội nghị lần thứ 4) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X (nhiệm kỳ 2010 - 2015);

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Điều hành Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Chương trình này để xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện và thành viên Ban Điều hành Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011 - 2015 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND

ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ IX (nhiệm kỳ 2005 - 2010), Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng và ban hành Quyết định phê duyệt 7 chương trình trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội và 10 nhóm công trình trọng điểm phục vụ dân sinh. Ngoài ra, trong nhiệm kỳ thực hiện chủ trương của Trung ương và Thành phố về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, về chiến lược biển, về nông nghiệp - nông dân - nông thôn... Huyện đã cụ thể hóa bằng các chương trình hành động và kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể mang lại hiệu quả tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế của huyện đạt mức tăng trưởng khá (tăng bình quân 12%/năm). Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ (từ 23% năm 2006, tăng lên 27% năm 2007 và tăng lên 31% vào năm 2010), giảm dần tỷ trọng các ngành nông nghiệp (từ 53% năm 2006, giảm xuống 45% năm 2007 và giảm còn 35% vào năm 2010), trong khi tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng có xu hướng đóng góp tương đối ổn định. Bên cạnh đó, cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế cũng đã có sự chuyển biến theo hướng tăng tỷ trọng các ngành, lĩnh vực được xác định là chủ lực như sản xuất thủy sản, dịch vụ du lịch sinh thái hoặc các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giá cả tăng, cùng với ảnh hưởng từ suy giảm chung của nền kinh tế thế giới và cả nước... đã tạo ra những bất ổn về sản xuất trên địa bàn, nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện trong giai đoạn này cũng có nhiều biến động và chưa bền vững; các chính sách, giải pháp hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ban hành chưa đủ mạnh, chưa tạo được sự đột phá; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung và chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế vẫn còn chậm, chất lượng tăng trưởng chưa cao; tỷ trọng các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao vẫn còn thấp; các ngành kinh tế được xác định là chủ lực phát triển

còn chậm; tiềm năng và nguồn lực phát triển của huyện chưa được phát huy có hiệu quả; một số công trình trọng điểm về phát triển cơ sở hạ tầng chưa được triển khai thực hiện hoặc triển khai thực hiện còn chậm chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX đề ra.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trên và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011 - 2015 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X đề ra, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Tập trung nguồn lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng của các ngành kinh tế; trong đó tập trung tạo bước đột phá về quy mô và cơ cấu phát triển của ngành dịch vụ, tạo điều kiện và tiền đề để ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao hơn ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung của huyện giai đoạn sau năm 2015. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các lĩnh vực, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế cao, nhằm tạo tiền đề cần thiết để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể:

- (1). Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất (GCD.94) bình quân: 13%/năm.
- (2). Đến cuối năm 2015, tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 40%, ngành công nghiệp chiếm 31% và ngành nông nghiệp chiếm 29%.
- (3). Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành kinh tế giai đoạn 2011 - 2015:
 - + Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ bình quân: 20%/năm.
 - + Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp bình quân: 11%/năm.
 - + Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân: 10%/năm.

II. QUAN ĐIỂM:

1. Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011 - 2015 được xác định là một Chương trình trọng điểm mang tính tổng hợp. Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra phải có sự hỗ trợ của các

Sở - ngành thành phố; sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và các xã, thị trấn; sự đồng thuận, ủng hộ và cùng tham gia tích cực của nhân dân trên địa bàn; nhất là phải được cụ thể hóa bằng các kế hoạch, đề án, dự án trên từng lĩnh vực cụ thể.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình thường xuyên, liên tục và lâu dài; dựa trên việc khai thác, phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, hiệu quả kinh tế cao phù hợp với tiềm năng, lợi thế hiện có của huyện để tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội huyện bền vững, góp phần giảm hộ nghèo, tăng hộ khá và giải quyết được nhiều lao động địa phương.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đi đôi với phát huy truyền thống, lịch sử, văn hóa và thành tích của địa phương trong thời gian qua, để trở thành động lực tinh thần thúc đẩy người dân có ý chí vươn lên làm giàu chính đáng, bằng chính sự sáng tạo trong lao động và trong học tập.

4. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải được thực hiện trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa và đồng bộ giữa đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội với việc bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng ngập mặn Cần Giờ; gắn chặt giữa việc phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương với nghiên cứu quy hoạch đồng bộ và thực hiện có hiệu quả trong đầu tư xây dựng.

III. NHIỆM VỤ:

1. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện trình phê duyệt và triển khai thực hiện đồng bộ các loại quy hoạch trên địa bàn huyện gắn với quy hoạch phát triển của thành phố.

2. Tập trung khơi dậy, khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ xã hội để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trong đó tập trung đầu tư các công trình mục tiêu, trọng điểm mang tính cấp thiết.

3. Huy động các nguồn lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế. Cụ thể:

- Ngành dịch vụ: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân đạt 20%/năm; tập trung thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng khai thác và phát huy thế mạnh về lĩnh vực thương mại - dịch vụ, trong đó phát triển nhanh lĩnh vực dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch lịch sử. Đến năm 2015, giá trị sản xuất lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng trên 63% tổng giá trị sản xuất toàn ngành; số lượng khách du lịch đến tham quan tại Cần Giờ đạt 1 triệu lượt khách.

- Ngành công nghiệp: Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân đạt 11%/năm; trong đó hạn chế phát triển công nghiệp gây ô nhiễm nhằm đảm bảo môi trường và hệ sinh thái; khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến, cụm công nghiệp sạch; tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư phát triển năng lực sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Đến năm 2015, tổng mức đầu tư toàn xã hội đạt 15.280 tỷ đồng và giá trị sản xuất lĩnh vực xây dựng chiếm tỷ trọng trên 93% tổng giá trị sản xuất toàn ngành.

- Ngành nông nghiệp: Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân đạt 10%/năm; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung đi vào thâm canh, ứng dụng công nghệ sinh học, chọn giống cây, con có chất lượng để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; tập trung thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng khai thác, phát huy thế mạnh về thủy sản và gắn với xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2015, giá trị sản xuất thủy sản chiếm tỷ trọng trên 92% tổng giá trị sản xuất toàn ngành, trong đó chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

4. Đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn; khắc phục có hiệu quả những yếu kém trong công tác quản lý đất đai, đưa công tác quản lý đất đai ngày càng đi vào trật tự, kỷ cương, nền nếp; chủ động nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện.

5. Tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức, đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện 5 năm tới và những năm tiếp theo.

IV. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP:

1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền vận động:

Tổ chức các hoạt động phổ biến, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011 - 2015; nhằm tạo sự đồng thuận cao, chung tay góp sức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ chương trình đề ra.

2. Nhóm giải pháp về quy hoạch và phát triển hạ tầng khung:

2.1. Về quy hoạch:

- Tập trung hoàn chỉnh trình phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 làm cơ sở tiến hành lập, hoàn thành và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2015 của huyện và các xã, thị trấn; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các khu dân cư đô thị, điểm dân cư nông thôn và quy hoạch chi tiết về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện; điều chỉnh quy hoạch hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản và quy hoạch phát triển khu du lịch sinh thái huyện Cần Giờ cho phù hợp với quy hoạch chung nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện theo đúng định hướng.

- Triển khai xây dựng và hoàn thành các quy hoạch xã nông thôn mới Lý Nhơn, Bình Khánh, Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông, Long Hòa và Thạnh An (trừ thị trấn Cần Thạnh); quy hoạch làng nghề nuôi chim yến trên địa bàn huyện; quy hoạch các tuyến, điểm dừng chân trong rừng phòng hộ; quy hoạch định hướng hạ tầng giao thông thủy, bộ huyện Cần Giờ đến năm 2020.

2.2. Về đầu tư phát triển hạ tầng khung: Trong 5 năm tới tập trung các nguồn lực đầu tư các công trình cụ thể như sau:

- Về hạ tầng giao thông: Công trình tuyến đường Lâm Viên - Đồng Đình, bến phà du lịch, tuyến đường Lương Văn Nho (giai đoạn 2) và đường song hành; tiếp tục đầu tư hoàn thành công trình đường ống dẫn nước sạch Nhà Bè - Cần Giờ và đường ống nhánh kết nối đến trung tâm các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp và Lý Nhơn; Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng khung Khu đô thị du lịch ven biển Cần Thạnh - Long Hòa và khu du lịch sinh thái biển Cần Thạnh; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện khu đô thị lấn biển Cần Giờ (quy mô 600ha); kiến nghị thành phố triển khai khởi công đầu tư xây dựng cầu Bình Khánh trong giai đoạn 2011 - 2015.

- Về hạ tầng thủy lợi: Công trình nâng cấp tuyến đê biển, đê sông ứng phó với biến đổi khí hậu; công trình thủy lợi và hệ thống xử lý nước thải phục vụ nuôi trồng thủy sản ở các xã phía Bắc; công trình kè đá chống xói lở các khu dân cư ở các xã, thị trấn và các công trình phòng, chống lụt, bão theo quy hoạch.

- Về hạ tầng các khu dân cư, di dời dân: Công trình di dời một phần và sắp xếp lại dân cư xã Thạnh An; công trình đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu dân cư tập trung tại các xã, thị trấn trên địa bàn nhằm phục vụ công tác di dời dân cư sống ven sông, ven biển, vùng trũng thấp và chương trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn.

3. Nhóm giải pháp về thúc đẩy tăng trưởng nhanh ngành dịch vụ:

- Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển các dự án phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái theo quy hoạch như: mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống - lưu trú (khu vực Cần Thạnh, Long Hòa).

- Đầu tư phát triển hạ tầng dịch vụ bưu chính - viễn thông, phát triển dịch vụ vận tải đường thủy, đường bộ và dịch vụ du lịch đường sông để khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về sông nước tự nhiên và các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch sinh thái như: đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống gắn với các hoạt động du lịch (làng nghề muối tại xã Lý Nhơn, làng nghề nuôi chim yến tại xã Tam Thôn Hiệp...); các mô hình vườn sinh thái kết hợp du lịch; khai thác phát triển tuyến du lịch đường sông.

- Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ du lịch như: du lịch ẩm thực, du lịch nghiên cứu, du lịch văn hóa - lễ hội, du lịch lịch sử, du lịch hội nghị, hội thảo...

- Xây dựng thương hiệu một số đặc sản đặc trưng của Cần Giờ như: khô cá dứa, mắm tôm chua, xoài, măng cầu, sản phẩm tổ yến... phục vụ cho khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch; xây dựng chính sách khuyến khích đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ du lịch.

- Tập trung quản lý tốt môi trường du lịch như tăng cường giáo dục pháp luật về môi trường, du lịch trong cộng đồng dân cư, qua đó nâng cao ý thức, kiến thức và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trong việc xử lý các loại chất thải phát sinh, khắc phục tác động tiêu cực do hoạt động du lịch gây ra đối với môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội và nhân văn.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực thương mại, dịch vụ du lịch như: kiện toàn, sắp xếp và tổ chức lại bộ máy hoạt động của các phòng, ban có liên quan (Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Thông tin, Ban Quản lý Khu du lịch 30/4) nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu, quản lý nhà nước về hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái trên địa bàn.

4. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp:

4.1. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch đã đề ra:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy hoạch sản xuất nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 và Quyết định số 5765/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án quy hoạch sản xuất muối trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (huyện Cần Giờ) đến năm 2020.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện giai đoạn 2006 - 2010; nghiên cứu xây dựng và đề xuất triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện giai đoạn 2011 - 2015.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 26-CTr/HU ngày 13 tháng 12 năm 2007 của Huyện ủy về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với chủ đề “Phát triển toàn diện huyện Cần Giờ đến năm 2020”; Kế hoạch số 27/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Chương trình hành động số 39-Ctr/HU ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Huyện ủy về nông nghiệp - nông dân - nông thôn trên địa bàn huyện.

4.2. Về phát triển sản xuất thủy sản:

- Về lĩnh vực đánh bắt, tập trung cơ cấu lại lực lượng đánh bắt ven bờ theo hướng không khuyến khích phát triển về số lượng, có chính sách hỗ trợ đầu tư nâng cấp, hoán cải phương tiện phù hợp với ngư trường và hiệu quả khai thác. Xây dựng lộ trình và chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi phù hợp, đảm bảo tăng thu nhập, ổn định đời sống để hạn chế và đi đến chấm dứt các ngư cụ, phương tiện đánh bắt làm sát nguồn lợi thủy sản trong sông rạch và rừng phòng hộ vào năm 2020.

- Về lĩnh vực nuôi trồng, trên cơ sở Quy hoạch sản xuất nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 được phê duyệt (Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố), tiếp tục nghiên cứu quy hoạch chi tiết vùng nuôi các loài thủy sản tập trung, tăng cường đầu tư bằng các nguồn vốn để nâng cao chất lượng, hiệu quả nghề nuôi thủy sản trên địa bàn.

- Đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng trong nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, điện (3 pha) dành cho khu vực nuôi tôm tập trung, nhất là nuôi tôm sú, hướng đến phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng và các loài thủy sản khác.

- Duy trì và phát triển diện tích đất sản xuất thủy sản giai đoạn 5 năm tới khoảng

6.500ha (trong đó, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng khoảng trên 2.000ha, nuôi tôm sú và các loài thủy sản khác là gần 4.500ha) và nuôi nhuyễn thể (nghêu, sò, hào...) khoảng 2.200ha; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích đất sản xuất; thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ vốn kịp thời cho người nuôi vào những thời điểm thả giống, nhằm đảm bảo diện tích thả nuôi và thu hoạch đúng thời điểm.

- Khai thác tối đa diện tích đất sử dụng tại Khu thuận dưỡng giống thủy sản Rạch Lá (xã Bình Khánh), phát huy năng lực hoạt động các cơ sở sản xuất giống thủy sản tại xã Long Hòa; hỗ trợ xúc tiến đầu tư xây dựng Trung tâm thủy sản thành phố tại xã Bình Khánh (khoảng 100ha), Trung tâm sản xuất giống nước lợ, mặn kỹ thuật cao tại Hào Võ thuộc xã Long Hòa (khoảng 80ha).

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư, khuyến khích triển khai thí điểm và phát triển các mô hình nuôi thủy sản mới có giá trị và hiệu quả kinh tế cao như: nuôi thủy sản bằng lồng bè trên sông (cá dứa, cá chim trắng...), nuôi ốc len trên bãi bồi trong rừng phòng hộ; tiến tới đánh giá hiệu quả, quy hoạch vùng nuôi, tương ứng với con nuôi phù hợp.

- Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh, kiểm tra chặt chẽ nguồn giống, giải quyết tốt vấn đề ô nhiễm nguồn nước tại các khu vực sản xuất...; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản 4 xã phía Bắc, xây dựng các điểm quan trắc môi trường 3 xã phía Nam; tiếp tục đầu tư, phát huy hiệu quả hoạt động của Trạm Thủy sản An Nghĩa.

4.2. Về phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp:

- Duy trì và cải tạo, mở rộng diện tích vườn cây ăn trái giai đoạn 5 năm tới khoảng 384ha tại khu vực thị trấn Cần Thạnh, xã Long Hòa (sản phẩm chủ yếu là xoài, măng cầu, nhãn xuống...), theo mô hình vườn sinh thái kết hợp với du lịch nhằm phục vụ và đáp ứng cho nhu cầu phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn huyện và thành phố.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ vốn để các hộ nông dân nghiên cứu và phát triển các mô hình sản xuất mới (theo tiêu chuẩn VIỆT-GAP) có giá trị kinh tế cao, đang và sẽ có nhiều triển vọng trong những năm sắp tới.

- Tập trung giải quyết tốt vấn đề an toàn vệ sinh môi trường và dịch bệnh; thực hiện và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ, không khuyến khích chăn nuôi gia cầm theo chủ trương chung của thành phố; xây dựng tiêu chí vùng nuôi an toàn có kiểm soát từ khâu nhập giống đến khâu xuất bán.

- Tổng kết đánh giá hiệu quả kinh tế nghề nuôi chim yến trên địa bàn huyện gắn việc bảo vệ môi trường tại khu vực nuôi, làm cơ sở đề xuất xây dựng quy hoạch mở rộng thành làng nghề nuôi chim yến; xây dựng và ban hành quy chế quản lý vùng nuôi; thực hiện các chính sách hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (đường, điện, nước sản xuất...); hỗ trợ tìm kiếm, đảm bảo thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra ổn định cho nông dân.

- Duy trì và từng bước giảm diện tích sản xuất muối còn khoảng 1.000ha vào năm 2015 (tập trung chủ yếu xã Lý Nhơn khoảng 800ha và xã Thạnh An khoảng 200ha); đầu tư, hỗ trợ để mở rộng sản xuất muối sạch theo phương pháp kết tinh muối trên ruộng trải bạt (khoảng 500ha), khuyến khích nuôi artemia trên ruộng muối đất vàng; đầu tư kho chứa muối (sức chứa từ 15.000 đến 20.000 tấn); khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất ra các sản phẩm chế biến (khô cá dứa, mắm tôm chua, muối, sản phẩm từ muối và các sản phẩm khác...); phát triển làng nghề muối gắn với các hoạt động du lịch sinh thái.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác hiện có; khuyến khích phát triển thêm Hợp tác xã mới; thực hiện các chính sách hỗ trợ để phát triển các dịch vụ cung cấp vật tư, tiêu thụ sản phẩm và các nhu cầu cần thiết khác.

- Về lâm nghiệp, quản lý và bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng trên 30.440ha, hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng và hệ sinh thái rừng ngập mặn; xây dựng kế hoạch lộ trình trồng mới rừng trên đất bãi bồi ven sông và bảo vệ chống sạt lở đất lâm nghiệp, đất có rừng và khu dân cư; tiếp tục nâng mức tiền công nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng nhằm đảm bảo đời sống, thu nhập người giữ rừng vượt chuẩn nghèo của thành phố.

5. Nhóm giải pháp về huy động các nguồn lực:

5.1. Về phân chia nguồn vốn đầu tư: Trong 5 năm tới, đầu tư toàn xã hội trên địa bàn huyện tăng bình quân 14%/năm (khoảng 15.280 tỷ đồng). Cụ thể:

- Vốn ngân sách nhà nước: chiếm 45%, bao gồm:
 - + Vốn ngân sách Trung ương và Thành phố: chiếm 99,15%;
 - + Vốn ngân sách huyện: chiếm 0,85%.
- Vốn ngoài ngân sách nhà nước: chiếm 55%.

5.2. Phân kỳ đầu tư: Tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn huyện được phân kỳ hàng năm như sau:

Năm 2011: khoảng trên 2.450 tỷ đồng.

Năm 2012: khoảng trên 2.450 tỷ đồng.

Năm 2013: khoảng trên 2.500 tỷ đồng.

Năm 2014: khoảng trên 3.250 tỷ đồng.

Năm 2015: khoảng trên 4.570 tỷ đồng.

5.3. Về cơ chế huy động vốn đầu tư:

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Bên cạnh, việc tranh thủ các nguồn vốn ngân sách của Trung ương và Thành phố; tập trung khai thác có hiệu quả các nguồn thu còn nhiều tiềm năng như: chủ động đề xuất thành phố bán đấu giá để giao quyền sử dụng đất đối với những khu đất do nhà nước trực tiếp quản lý (khu đất khoảng 16,97ha tại xã Long Hòa, các khu đất xen cài trong khu dân cư có diện tích dưới 1.000m²...) tạo nguồn thu ngân sách nhà nước để tái đầu tư.

- Đối với các nguồn vốn huy động từ các thành phần kinh tế: Để huy động đạt kết quả cao nhất các nguồn vốn này, cần chú trọng thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính trong quản lý đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư như: hoàn thiện và nâng cao hiệu quả “cơ chế một cửa” trong đầu tư tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; đề xuất ban hành chính sách ưu đãi đầu tư; đặc biệt phải hoàn chỉnh trình phê duyệt các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn.

5.4. Về cơ chế sử dụng vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước: tập trung cho công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội mục tiêu, trọng điểm gồm: công trình xây dựng nông thôn mới, phòng, chống lụt, bão, hệ thống giao thông, cấp thoát nước, thủy lợi, các công trình trường học, y tế, văn hóa...

- Vốn ngoài ngân sách: tập trung đầu tư vào các công trình phát triển hệ thống lưới điện, bưu chính - viễn thông; các dự án phát triển thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái, phát triển hạ tầng nội bộ và xây dựng nhà ở các khu dân cư đô thị, điểm dân cư nông thôn, các dự án đầu tư vào lĩnh vực văn hoá, xã hội, thể dục thể thao... theo cơ chế xã hội hóa.

6. Nhóm giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học - kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; đào tạo nghề cho bộ phận con em nông dân để chuyển nghề từ ngành, lĩnh vực này sang ngành, lĩnh vực khác.

- Tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp, trình độ quản lý và năng lực thực tiễn cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và cán bộ cơ sở ở các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng của huyện.

- Đề xuất các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút thanh niên, trí thức trẻ về công tác và gắn bó lâu dài tại huyện, nhất là các ngành dịch vụ du lịch sinh thái, nông nghiệp...

7. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước:

7.1. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư:

- Tăng cường công tác kế hoạch hóa trong đầu tư xây dựng trên địa bàn theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời chủ động dự báo tình hình và yêu cầu đầu tư; chú trọng cân đối và điều hòa vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và đạt hiệu quả cao.

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành và triển khai dự án đầu tư của các cơ quan chuyên môn; tăng cường công tác giám sát đầu tư nhà nước, giám sát cộng đồng nhằm đảm bảo sự tuân thủ theo quy định trong lĩnh vực đầu tư và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Tiếp tục củng cố và phát huy kết quả thực hiện quy trình “một cửa” trong quản lý các dự án đầu tư từ vốn ngân sách và ngoài ngân sách. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, nâng cao chất lượng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng nhằm thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư theo quy hoạch.

7.2. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, phát triển đô thị và nông thôn:

- Xác lập quỹ đất cần thiết để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển huyện Cần Giờ đến năm 2015 và những năm tiếp theo; tổ chức quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho các hộ dân có nhà ở hợp pháp, phù hợp với quy hoạch; kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án không thực hiện đúng tiến độ mà không có lý do chính đáng.

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý xây dựng, kiến trúc đô thị tại các khu đô thị, khu dân cư mới phù hợp với Luật Đất đai, Luật Xây dựng và Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước với quy hoạch và quản lý xây dựng theo

quy hoạch; tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình hạ tầng theo hướng tiêu chuẩn hóa, thực hiện định kỳ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác đầu tư xây dựng.

- Đẩy nhanh công tác lập và công khai hóa quy hoạch chi tiết trên địa bàn; thúc đẩy phát triển các khu dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp và cán bộ công chức trên địa bàn huyện.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp về xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 - 2015.

7.3. Về cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và Thành phố đã ban hành đang còn hiệu lực về hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; về chương trình nông nghiệp, nông dân và nông thôn; về xây dựng nông thôn mới; về hỗ trợ phát triển các loại hình hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ...

- Hệ thống lại các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư để chủ động đề xuất thành phố ban hành cơ chế, chính sách đặc biệt hỗ trợ, tạo điều kiện cho huyện Cần Giờ phát huy vai trò chủ lực trong thực hiện Chiến lược biên của thành phố; đồng thời thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của huyện.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách khuyến khích phát triển mô hình du lịch nhà vườn, làng nghề; chính sách phát triển các ngành nghề mới theo định hướng khai thác tiềm năng du lịch sinh thái trên địa bàn; chính sách khuyến khích đối với các hoạt động đầu tư sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch, các mô hình sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nhưng không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

7.4. Quản lý và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình và đề án nhánh phục vụ cho việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo nhiệm vụ đã đề ra giai đoạn 2011 - 2015. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Điều hành Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015 và Tổ chuyên môn giúp việc, để giúp Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện đảm bảo đạt kết quả theo yêu cầu, tiến độ của chương trình đề ra.

2. Giao các phòng - ban và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có liên quan chịu trách nhiệm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015 bằng việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án cụ thể được quy định tại phụ lục đính kèm.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, sơ kết 1 năm, 2 năm, giữa nhiệm kỳ và tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Chương trình cho bộ phận Thường trực Ban Điều hành Chương trình (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện).

3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã, thị trấn cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng xã, thị trấn và chủ động tổ chức thực hiện để đạt hiệu quả cao nhất.

4. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Là cơ quan Thường trực của Ban Điều hành Chương trình huyện, đồng thời chủ trì Tổ chuyên môn giúp việc cho Ban Điều hành Chương trình; bố trí 1 cán bộ chuyên trách để tham mưu giúp việc cho Ban Điều hành và Tổ chuyên môn giúp việc.

Tham mưu cho Ban Điều hành Chương trình thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Điều hành; tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình hàng quý, 6 tháng, sơ kết 1 năm, 2 năm, giữa nhiệm kỳ... và tổng kết 5 năm cho Thường trực Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo Chương trình và Thường trực Huyện ủy.

Đề xuất, đảm bảo kinh phí hoạt động cho Ban Điều hành Chương trình.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể huyện có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia phát triển sản xuất, chung tay góp sức thực hiện thắng lợi Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

PHỤ LỤC

Các chương trình, đề án nhánh triển khai thực hiện

Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Tên Chương trình nhánh	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng chương trình, đề án	Thời gian triển khai thực hiện chương trình, đề án
01	Chương trình “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015”	Phòng Kinh tế huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015	Tháng 5/2011	Giai đoạn 2011 - 2015
02	Chương trình “Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015”.	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề xuất danh mục công trình và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện giai đoạn 2011 - 2015	Tháng 5/2011	Giai đoạn 2011 - 2015
03	Chương trình “Phát triển du lịch sinh thái huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015”.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Kinh tế, Ban Quản lý Khu du lịch 30/4 và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015	Tháng 5/2011	Giai đoạn 2011 - 2015
04	Chương trình “Nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác quy hoạch giao thông, xây dựng trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015”	Phòng Quản lý Đô thị huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề xuất danh mục đề án quy hoạch giao thông, xây dựng và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015	Tháng 5/2011	Giai đoạn 2011 - 2015

05	Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015”.	Phòng Nội vụ huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015	Tháng 5/2011	Giai đoạn 2011 - 2015
06	Chương trình “Nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015”	Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015	Tháng 5/2011	Giai đoạn 2011 - 2015
07	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Lý Nhơn.	Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư đạt chuẩn 19 tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2012	Đã hoàn tất	Giai đoạn 2010 - 2012
08	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Bình Khánh.	Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư đạt chuẩn 19 tiêu chí xã nông thôn mới vào 2015	Tháng 4/2011	Giai đoạn 2010 - 2015
09	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp.	Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư đạt chuẩn 19 tiêu chí xã nông thôn mới vào 2015	Tháng 4/2011	Giai đoạn 2010 - 2015
10	Đề án xây dựng nông thôn mới xã An Thới Đông.	Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư đạt chuẩn 12 - 15 tiêu chí xã nông thôn mới vào 2015	Tháng 6/2011	Giai đoạn 2010 - 2017
11	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Long Hòa.	Ủy ban nhân dân xã Long Hòa	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư đạt chuẩn 12 - 15 tiêu chí xã nông thôn mới vào 2015	Tháng 6/2011	Giai đoạn 2010 - 2017

12	Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An.	Ủy ban nhân dân xã Thạnh An	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư đạt chuẩn 12 - 15 tiêu chí xã nông thôn mới vào 2015	Tháng 6/2011	Giai đoạn 2010 - 2017
----	---	-----------------------------	----------------------------------	--	--------------	-----------------------

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng